

Số: /SNNMT-TTBVT
V/v rà soát thống kê cơ cấu giống cây trồng
nông nghiệp (lĩnh vực trồng trọt)

Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018.

Căn cứ Luật số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Căn cứ Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng trên địa bàn tỉnh và đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu giống với điều kiện sản xuất thực tế, phục vụ sản xuất, định hướng điều chỉnh cơ cấu giống; dự báo nhu cầu sử dụng giống cây trồng trong thời gian tới; Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp thực hiện các nội dung sau:

1. Thống kê cơ cấu giống cây trồng nông nghiệp

Tổ chức rà soát, tổng hợp diện tích gieo trồng theo từng loại cây trồng, từng giống cây trồng và từng vụ sản xuất (*thống kê cụ thể tên giống, diện tích gieo trồng, ước năng suất của các giống cây trồng người dân đã sử dụng trong sản xuất*). Đồng thời, đánh giá những thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị trong công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất, tình hình sử dụng giống cây trồng tại địa phương gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Định hướng cơ cấu giống cây trồng nông nghiệp trong thời gian tới

Căn cứ kết quả sản xuất các năm trước và điều kiện thực tế, đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, lựa chọn cơ cấu cây trồng phù hợp để đưa vào canh tác. Đối với lúa, ngô và các cây trồng chính, cần ưu tiên nhóm giống chủ lực có tính ổn định, hiệu quả cao; bố trí từ 2-3 giống chủ lực và 1-2 giống dự phòng nhằm chủ động ứng phó với thiên tai, dịch bệnh.

Tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao đã được phê duyệt, chủ động hướng dẫn người dân sử dụng 100% giống từ cấp xác nhận trở lên; các giống này phải đảm bảo giá trị thương mại, đáp ứng thị hiếu thị trường và thích nghi tốt với khí hậu địa phương.

Lựa chọn những giống có năng suất, chất lượng cao, chống chịu tốt và thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên sử dụng giống cây trồng đã được công nhận lưu hành (*công bố tiêu chuẩn*) có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và được cơ

quan chuyên môn khuyến cáo. Tuyệt đối không mua giống trôi nổi trên các nền tảng mạng xã hội khi không đủ điều kiện kiểm định chất lượng.

3. Chế độ báo cáo

- Định kỳ sau khi kết thúc từng vụ sản xuất, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức rà soát, thống kê các giống cây trồng đã sử dụng trong sản xuất và gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể:

- Vụ Xuân: Gửi trước ngày 31/5 hằng năm (*riêng vụ Xuân năm 2026 đề nghị gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 20/7/2026*).

- Vụ Mùa: Gửi trước ngày 31/8 hằng năm.

- Vụ Đông: Gửi trước ngày 30/11 hằng năm.

Báo cáo bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo địa chỉ: Tổ dân phố 10, phường An Tường, tỉnh Tuyên Quang. Đồng thời, gửi tệp điện tử (file Word) qua địa chỉ thư điện tử: trongtrotsnntq@gmail.com để tổng hợp.

(có Biểu mẫu thống kê Cơ cấu giống cây trồng hàng năm kèm theo)

4. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

4.1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật:

- Chủ trì đơn đốc, hướng dẫn các địa phương rà soát cơ cấu giống cây trồng hàng năm; đánh giá hiệu quả giống đang sản xuất, đề xuất cơ cấu giống phù hợp theo từng vụ, phục vụ chỉ đạo sản xuất và nâng cao hiệu quả trồng trọt.

- Chỉ đạo các Trạm Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật khu vực phối hợp với các phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát, tổng hợp cơ cấu giống cây trồng theo từng vụ, hằng năm; tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cục Trồng trọt và BVTV theo quy định.

4.2. Trung tâm Khuyến nông:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất cho người dân. Tập trung tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp thâm canh tăng năng suất; đẩy mạnh áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), canh tác hữu cơ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM); khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ, vi sinh, các chế phẩm sinh học và thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, thảo mộc.

- Phối hợp với các đơn vị cung ứng giống xây dựng các mô hình trình diễn giống cây trồng mới nhằm theo dõi, đánh giá tính thích ứng, năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu; trên cơ sở đó đề xuất bổ sung vào cơ cấu giống của tỉnh, đồng thời làm điểm trình diễn cho người dân tham quan, học tập.

4.3. Trung tâm Khoa học Nông nghiệp và Môi trường:

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường rà soát cơ cấu cây trồng; tập trung nghiên cứu, thử nghiệm và đánh giá khả năng thích ứng của các giống mới. Đồng thời, đề xuất cơ cấu giống phù hợp với từng vùng sinh thái; tổ chức

chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất thực tiễn tại các địa phương.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, các đơn vị quan tâm phối hợp triển khai thực hiện, bảo đảm nội dung và thời gian./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các đơn vị: Chi cục Trồng trọt và BVTV;
Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Khoa
học Nông nghiệp và Môi trường (thực hiện);
- Trang Thông tin điện tử Sở;
- Lưu VT, TTBVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Xuân Hùng

BIỂU MẪU THỐNG KÊ CƠ CẤU GIỐNG CÂY TRỒNG HÀNG NĂM
*(Kèm theo Văn bản số /SNNMT-TTBVTV ngày tháng 7 năm 2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường)*

STT	Tên giống cây trồng	Diện tích (ha)	Ước Năng suất (tạ/ha)	Ghi chú
A	VỤ XUÂN			
I	CÂY LÚA			
1	Lúa lai			
1.1	Nhị Ưu 838			
1.2	Tạp Giao 1			
1.3	Cương Ưu 725			
1.4	Kinh Sở Ưu 1588			
1.5	Thái Xuyên 111			
1.6	Việt Lai 20			
1.7	MHC 2			
1.8	HKT 99			
.....	Giống khác...			
2	Lúa thuần			
2.1	Khang Dân 18			
2.2	TBR225			
2.3	TBR279			
2.4	LTh31			
2.5	Hà Phát 3			
.....	Giống khác ...			
3	Lúa chất lượng			
3.1	Giống Nhật (ĐS1, J02)			
3.2	Hương Thơm số 1 (HT1)			
3.3	Bắc Thơm số 7			
3.4	BC15			
3.5	Thiên Ưu 8			
3.6	N91			
3.7	Bắc Hương 9			
3.8	Đài Thơm 8			
3.9	VNR20			
3.10	Nếp 97			
3.11	Già Dui			
3.12	Tẻ Nương Hà Giang			
3.13	Nếp địa phương (Quảng Nguyễn, Hữu Sản...)			
.....	Giống khác...			
II	CÂY NGÔ			
1	LVN885			

STT	Tên giống cây trồng	Diện tích (ha)	Ước Năng suất (tạ/ha)	Ghi chú
2	LVN99			
3	CP111			
4	CP511			
5	NK4300			
6	NK7328			
7	NK66			
8	NK4300 Bt/Gt			
9	CP999			
10	CP989			
11	Bioseed 9698			
12	HN88			
13	Ngô địa phương			
.....	Giống khác...			
III	CÂY LẠC			
1	L14			
2	L27			
3	L29			
4	Sen Lai			
5	Lạc LVT			
6	Lạc địa phương			
.....	Giống khác...			
IV	CÂY ĐẬU TƯƠNG			
1	DT84			
2	DT90			
3	VX93			
4	Giống địa phương			
.....	Giống khác...			
V	CÂY CHÁT BỘT CÓ CỦ			
1	Khoai lang			
2	Khoai sọ			
3	Cây sắn			
VI	CÂY RAU CÁC LOẠI			
1	Rau an toàn VietGAP			
2	Rau chuyên canh			
VII	CÂY ĐẬU CÁC LOẠI			
				
B	VỤ MÙA - HÈ THU			
I	CÂY LÚA			
1	Lúa lai			
1.1	Nhị Ưu 838			

STT	Tên giống cây trồng	Diện tích (ha)	Ước Năng suất (tạ/ha)	Ghi chú
1.2	Tạp Giao 1			
1.3	Kinh Sở Ưu 1588			
1.4	Thái Xuyên 111			
1.5	Việt Lai 20			
1.6	Lai Thơm 6			
1.7	HKT 99			
.....	Giống khác...			
2	Lúa thuần			
2.1	Khang dân 18			
2.2	TBR225			
2.3	TBR279			
2.4	LTh31			
2.5	Hà Phát 3			
.....	Giống khác...			
3	Lúa chất lượng			
3.1	Giống Nhật (ĐS1, J02)			
3.2	Hương Thơm số 1			
3.3	Bắc Thơm số 7			
3.4	BC15			
3.5	Thiên Ưu 8			
3.6	Đài Thơm 8			
3.7	Bắc Hương 9			
3.8	Nếp 97			
3.9	N91			
3.10	BG6			
3.11	Khâu Mang			
3.12	Già Dui			
3.13	Tè Nương HG			
3.14	Nếp Hữu Sản			
3.15	Nếp Quảng Nguyên			
.....	Giống khác...			
II	CÂY NGÔ			
1	LVN885			
2	LVN99			
3	CP111			
4	CP511			
5	CP512			
6	NK4300			
7	NK7328			
8	NK66			

STT	Tên giống cây trồng	Diện tích (ha)	Ước Năng suất (tạ/ha)	Ghi chú
9	NK4300 Bt/Gt			
10	CP 999			
11	CP 989			
12	Bioseed 9698			
13	HN 88			
14	Ngô địa phương			
.....	Giống khác...			
III	CÂY LẠC			
1	L14			
2	L27			
3	L29			
4	Sen Lai			
5	Lạc LVT			
6	Lạc địa phương			
.....	Giống khác...			
IV	CÂY ĐẬU TƯƠNG			
1	DT84			
2	DT90			
3	VX93			
.....	Giống khác...			
V	CÂY CHẮT BỘT CÓ CỦ			
1	Khoai lang			
2	Khoai sọ			
3	Cây sắn			
VI	CÂY RAU CÁC LOẠI			
1	Rau an toàn VietGAP			
2	Rau chuyên canh			
VII	CÂY ĐẬU CÁC LOẠI			
				
C	VỤ ĐỒNG			
1	Cây ngô lấy hạt			
1.1	LVN 99			
1.2	NK4300			
1.3	Bioseed 9698			
1.4	NK66			
1.5	Nếp HN88			
1.6	Ngô sinh khối			
-	NK7328			
-	SSC586			
-	Giống khác...			

STT	Tên giống cây trồng	Diện tích (ha)	Ước Năng suất (tạ/ha)	Ghi chú
2	Khoai tây			
3	Khoai lang			
4	Rau, đậu các loại xuống ruộng			
5	Rau an toàn VietGAP			
6	Rau chuyên canh			
7	Tam giác mạch			
.....	Cây khác...			